TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 50, 06 - 10/12/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Thị trường hồi phục, thanh khoản bốc hơi"

Mối lo ngại về biến thể Omicron đã được xoa dịu giúp thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi. Chỉ số S&P 500 ghi nhận mức tăng tốt nhất kể từ tháng 2 (+3,8%). Ngoài ra, thị trường dường như cũng phản ứng tích cực với số lượng hồ sơ thất nghiệp hàng tuần thấp nhất trong nhiều thập kỷ đi cùng với mức lạm phát cao, CPI tháng 11 đã tăng 6,8% (YoY). Cổ phiếu châu Âu tăng trở lại khi lo ngại về biến thể Omicron và tác động kinh tế tiềm ẩn của nó giảm xuống, chỉ số Châu Âu STOXX Europe 600 kết thúc tuần với 2,76% cao hơn. Chứng khoán Nhật Bản cũng tăng trở lại, với chỉ số Nikkei 225 quay trở lại 1,46%. Thị trường chứng khoán Trung Quốc tăng điểm sau khi ngân hàng trung ương cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng và lạm phát tháng 11 cho thấy sự hạ nhiệt, chỉ số Shanghai Composite tăng 1,6%.

Thị trường bán tháo diễn ra trong tuần trước do lo ngại về biến thể Omicron dường như đã giảm bớt, điều đó hỗ trợ cho thị trường chứng khoán Việt Nam có sự phục hồi mạnh mẽ. VN Index khởi đầu tuần với dư âm của ngày thứ Sáu trước đó khi tiếp tục lao dốc. Tuy nhiên, một sự phục hồi mạnh mẽ đã được nhìn thấy và kéo dài trong phần còn lại của tuần. Phiên thứ Sáu vừa qua chỉ giảm nhẹ -4,44 điểm, nhưng VN Index kết thúc tuần tăng +20,22 điểm, tương đương + 1,40% và dừng ở 1.463,54. Trong khi chỉ số HNX Index và UPCOM diễn biến trái chiều, HNX Index tăng nhẹ 0,3% và UPCOM Index kết thúc tuần giảm -0,3%.

Theo góc nhìn kỹ thuật, VN Index đã vượt qua các ngưỡng kháng cự quan trọng, đặc biệt là Fibonacci 50% tại 1.450 để cũng cố xu hướng đi lên. Đường MACD có xu hướng đảo ngược trở lại để cắt đường tín hiệu và đường RSI đang có xu hướng đi lên. Nếu tâm lý thị trường tiếp tục tích cực, mục tiêu tiếp theo sẽ là Fibonacci 61,8% ở mức 1.500. Nhìn chung, sự phục hồi của thị trường là điều chúng tôi mong đợi. Tuy nhiên, thanh khoản tiếp tục đi xuống là điều đáng lưu tâm. Tính thanh khoản thấp có thể là do các quỹ đang trong giai đoạn tái cơ cấu danh mục hoặc các công ty chứng khoán thắt chặt việc cho vay margin để chuẩn bị cho báo cáo tài chính cuối quý. Do đó, chúng tôi kỳ vọng VN Index có thể đi ngang trong khoảng 1.450 - 1.600 cho đến cuối năm, sau đó bứt phá khi thanh khoản tăng mạnh trở lại.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,464	1.4	0.1	8.9	9.8		17.3	2.7	247
Upcom Index	112	-0.3	2.4	17.9	28.1		52.4	3.7	61
HNX Index	451	0.3	4.2	28.6	42.3		29.2	2.9	19
VN30 Index	1,519	1.0	-0.5	5.0	4.2		14.7	3.0	172
S&P 500 Index	4,712	3.8	0.6	4.9	11.7		25.8	4.8	41,563
STOXX Europe 600 Index	476	2.8	-1.5	1.7	4.6		20.2	2.1	14,979
Hang Seng	23,996	1.0	-3.3	-6.7	-16.5		9.6	1.0	3,234
Nikkei 225	28,438	1.5	-2.9	-5.2	-1.5		16.2	1.9	4,103
SHCOMP Index	3,666	1.6	4.5	-0.7	2.1		15.6	1.7	7,548
STI Index	3,136	1.1	-3.3	2.1	-0.6		20.0	1.1	376
KOSPI Index	3,010	1.4	1.6	-3.4	-6.4		14.0	1.1	1,814

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Mặc dù thị trường hồi phục mạnh, nhưng thanh khoản thị trường tiếp tục bốc hơi đáng kể khiến nhiều nhà đầu tư quan tâm, giá trị khớp lệnh bình quân mỗi phiên trên HSX tuần qua đạt 23.341 tỷ đồng, giảm -18,7% so với tuần trước.

Xét về quy mô vốn hóa, Large Cap chứng kiến mức tăng mạnh nhất giữa các nhóm với mức tăng 1,5%, trong khi nhóm Mid có mức tăng nhỏ hơn, +0,7%. Trong khi đóm, vốn hóa thị trường của nhóm Small Cap giảm và kết thúc tuần thấp hơn -2,0% do thanh khoản của nó giảm đáng kể (-26,9%).

Giữa các nhóm ngành, nhóm tiện ích là nhóm có mức sinh lợi cao nhất trong tuần với mức tăng 2,5%, POW (+ 19,93%) và IDC (+ 12,42%) đóng góp nhiều nhất vào thành tích này. Dịch vụ tiêu dùng xếp ở vị trí tiếp theo với mức tăng + 2,1%. Ngoài ra, ngành ngân hàng cũng có một tuần giao dịch thành công khi vốn hóa thị trường tăng 1,8%. BID (+ 6,19%) và TPB (+ 10,64%) là những cổ phiếu đáng chú ý của nhóm.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	1.5	0.0	31.2	-18.7	-20.6	-1.1	69.1	0.0	22.9	3.2	4,962,757
Mid Cap	0.7	1.3	53.0	-17.9	-26.9	-8.3	28.2	0.3	22.5	2.0	658,417
Small Cap	-2.0	-0.4	45.1	-26.9	-39.1	-24.3	2.7	-0.3	27.5	1.2	73,731

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD						
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Tiện ích Cộng đồng	2.5	-12.1	14.5	34.4	7.3	15.5	2.9	1.1	19.7	2.4	290,199
Dịch vụ Tiêu dùng	2.1	-0.6	39.9	-17.2	-33.0	-24.2	2.4	0.0	n.a	5.0	260,345
Ngân hàng	1.8	2.4	30.0	-31.6	-31.0	-11.6	16.6	-3.1	16.5	2.6	1,740,690
Dầu khí	1.6	-8.6	8.9	-19.3	-41.8	-30.2	1.0	0.0	80.8	3.3	79,893
Tài chính	1.5	5.1	44.4	-17.4	-15.1	9.8	39.1	0.7	28.3	3.2	1,663,308
Dược và Y tế	0.8	10.3	25.5	-37.2	-36.7	-13.1	0.7	-0.2	22.6	2.7	40,911
Công nghệ Thông tin	0.7	-3.2	90.8	-21.0	-36.6	-31.6	0.9	0.0	26.4	3.8	104,861
Công nghiệp	0.6	2.4	51.4	-16.4	-20.6	11.1	13.6	0.4	21.4	2.0	298,844
Hàng Tiêu dùng	0.6	-1.3	8.1	-14.5	-23.2	-0.6	10.0	0.5	24.8	3.3	681,778
Nguyên vật liệu	-0.1	-10.5	55.7	-14.5	-33.4	-29.6	12.9	0.6	19.4	2.8	531,721

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, gió đã đổi chiều ở một số thị trường lớn, Ấn Độ chứng kiến sự rút ròng -552 triệu USD, của Nhật Bản là -662 triệu đồng, và Hàn Quốc là -223 triệu USD. Ngược lại, Indonesia và Đài Loan thu hút dòng vốn lớn lần lượt là 339 triệu USD và 355 triệu USD. Việt Nam bất ngờ chứng kiến dòng vốn ròng 11 triệu USD sau một thời gian dài bị hút mạnh.

Thông qua kênh ETF, Lượng rút ròng (-10,48 triệu USD) từ VanEck Vectors Vietnam ETFs đóng góp nhiều nhất vào dòng chảy ròng -8,74 triệu USD ra khỏi thị trường. Tuy nhiên, có một số tín hiệu tích cực cho thấy quỹ Fubon đã quay trở lại tạo thêm rổ cổ phiếu với số tiền 1,9 triệu USD và SSIAM VNFINLEAD tiếp tục giải ngân 1,37 triệu USD ra thị trường.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,451**	**-8.74**	**-57.52**	**-115.0**	**55.1**
Nước ngoài	**2,184**	**-10.10**	**-39.49**	**-122.6**	**80.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	580	-10.48	-10.48	-13.4	28.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	466	1.90	-16.94	-47.0	202.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	508	0.00	3.60	3.6	7.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	394	-1.78	-6.32	-58.4	-80.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	175	0.00	-9.88	-9.9	-88.9
Premia MSCI Vietnam ETF	31	0.27	0.53	1.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	14	0.00	0.00	1.4	12.7
Trong nước	**1,268**	**1.36**	**-18.03**	**7.6**	**-25.5**
DCVFMVN Diamond ETF	613	0.00	0.00	0.0	-54.7
DCVFMVN30 ETF Fund	463	-0.09	-23.71	-15.6	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	142	1.37	5.66	21.1	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	-0.24	2.0	22.3
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.08	0.25	0.07	6.8

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	10,946	-34,044	30,656
Ấn độ	-552	-1,354	-4,382	4,148
Indonesia	339	265	977	2,853
Nhật Bản	-662	-662	16,448	41,315
Maylaysia	-73	-165	253	-663
Philippines	-32	-81	-68	-1,810
Hàn Quốc	-223	1,679	1,979	-23,969
Sri Lanka	0	0	-27	-254
Đài Loan	355	1,400	-166	-17,384
Thái Lan	-57	-161	-11	-2,488
Việt Nam	11	-84	-734	-2,679

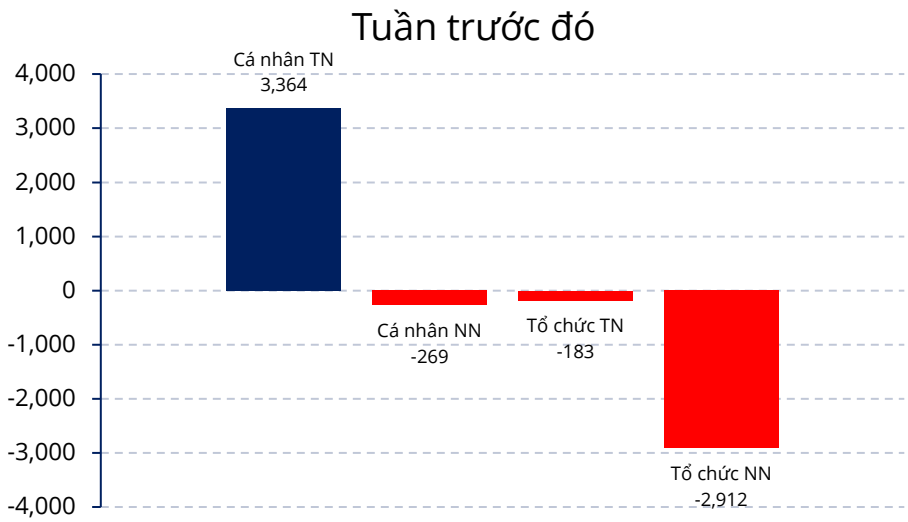
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

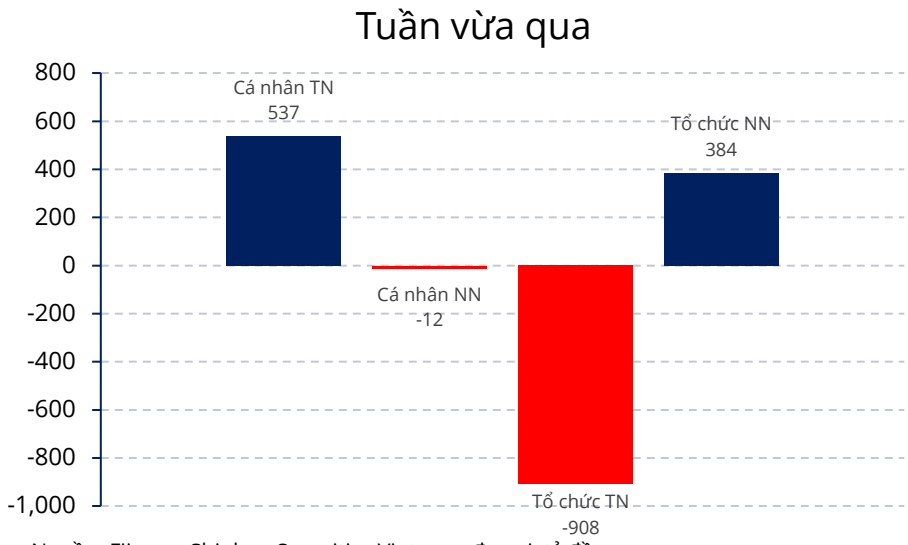
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, khối ngoại bất ngờ chuyển hướng mua ròng hơn 372 tỷ đồng cùng với nhà đầu tư cá nhân trong nước (537 tỷ đồng). Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức là bên bán ròng duy nhất với giá trị giao dịch ròng là -908 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SJF	Y tế	2.01 - 24.60	11.9	-29.67%
2	MCG	Xây dựng và Vật liệu	1.76 - 14.85	9.5	-29.59%
3	IDI	Thực phẩm và đồ uống	5.15 - 25.90	15.1	-21.00%
4	TNI	Tài nguyên Cơ bản	2.90 - 14.65	7.7	-19.83%
5	TSC	Hóa chất	2.90 - 19.20	14.3	-16.13%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.58%	33.5	24.00 - 33.50	Thực phẩm và đồ uống	BAF
28.09%	15.1	4.09 - 15.05	Bất động sản	PTL
19.93%	16.3	9.98 - 16.35	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	POW
19.89%	10.6	4.19 - 10.80	Thực phẩm và đồ uống	HAG
19.93%	16.3	9.98 - 16.35	Xây dựng và Vật liệu	NAV

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SDA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.10 - 80.00	31.2	-40.00%
2	VTH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.50 - 21.40	12.4	-27.49%
3	PVL	Bất động sản	1.00 - 23.90	15.3	-27.14%
4	ECI	Truyền thông	14.50 - 48.00	25.7	-25.94%
5	V21	Xây dựng và Vật liệu	3.70 - 19.70	10.9	-24.83%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.18%	42.7	31.30 - 51.00	Y tế	MED
23.53%	21.0	13.10 - 21.00	Truyền thông	BST
19.28%	26.6	5.45 - 27.10	Bất động sản	TIG
14.71%	46.0	30.70 - 48.40	Tài nguyên Cơ bản	HGM
14.51%	37.1	8.50 - 43.00	Y tế	LDP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	LIC	Xây dựng và Vật liệu	5.50 - 168.70	58.3	-47.67%
2	LG9	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 32.70	15.1	-44.89%
3	HTK	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.30 - 18.00	11.3	-37.22%
4	USD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.20 - 15.00	10.8	-28.00%
5	TS5	Xây dựng và Vật liệu	7.30 - 10.00	7.3	-27.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
97.30%	14.6	3.80 - 14.60	Du lịch và Giải trí	DAR
80.23%	15.5	4.00 - 16.40	Xây dựng và Vật liệu	CID
52.59%	35.4	12.60 - 35.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	QLT
52.40%	187.0	16.20 - 187.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	TAG
49.40%	12.4	6.20 - 14.80	Xây dựng và Vật liệu	TA3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	169	8,356.3	33.5	24.00 - 33.50	39.6
2	PDN	Cảng Đồng Nai	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	270	1,024.5	93.1	72.10 - 107.00	-1.5
3	SVC	SAVICO	Ô tô và phụ tùng	1,704	414.1	130.2	63.50 - 140.00	17.9
4	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thực phẩm và đồ uống	163	407.8	43.3	38.15 - 46.50	-0.5
5	VCF	Vinacafé Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	125	400.5	256.0	220.00 - 291.00	2.4
6	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	557	187.0	38.0	26.05 - 45.65	-0.1
7	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	688	151.4	46.0	33.50 - 50.20	-5.2
8	TBC	Thủy điện Thác Bà	Điện, nước & xăng dầu khí đố	302	132.9	31.0	24.40 - 33.00	1.0
9	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đố	25,369	132.7	24.4	18.25 - 26.20	11.2
10	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đố	21,823	119.5	45.9	25.50 - 49.00	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	96.15	0.04	1.37	3.86	6.91	
VND/USD	23,004	0.93	1.53	1.06	-0.41	
KRW/USD	1,181.35	0.12	0.05	1.05	8.74	
JPY/USD	113.42	0.55	-0.43	3.17	9.85	
EUR/USD	0.88	0.08	1.54	4.49	8.07	
SGD/USD	1.36	-0.55	0.83	1.68	3.18	
CNY/USD	6.37	-0.10	-0.29	-1.15	-2.41	

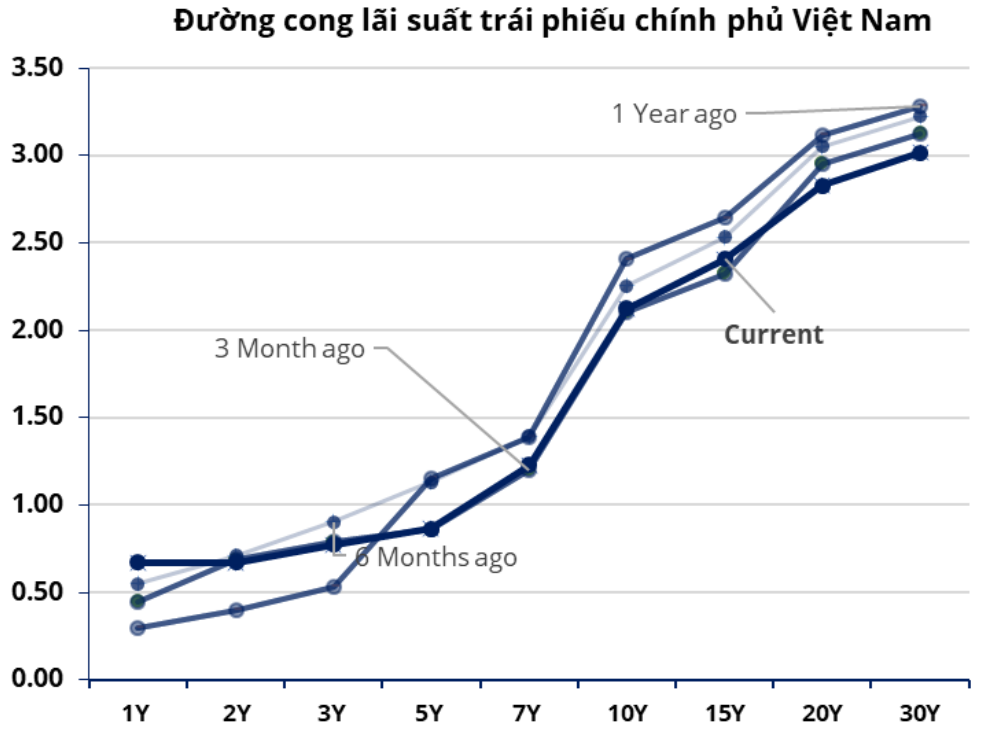
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	71.60	8.06	-11.97	2.70	47.57	
Xăng	213.70	9.43	-6.97	-0.79	51.73	
Gas	3.86	-6.58	-20.90	-21.83	52.03	
Than	163.25	5.15	7.19	-8.08	102.80	
Vàng	1,783.92	0.04	-3.55	-0.20	-6.03	
Bạc	22.16	-1.63	-10.07	-6.68	-16.08	
Platinum	942.72	0.70	-11.95	-1.88	-12.07	
Quặng sắt	106.49	4.59	15.78	-20.42	-31.67	
Thép cán	4,763.00	-0.33	-1.61	-18.58	4.11	
Lúa mì	769.00	-3.21	-4.23	13.93	20.06	
Ngô	585.75	-0.04	2.90	16.51	21.02	
Gỗ	1,050.00	15.80	79.03	106.61	20.26	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.67	0.67	0.78	0.87	1.23	2.12	2.41	2.83	3.02
Thay đổi (BPS)	4.00	0.00	0.00	-0.60	0.30	-1.40	-1.30	-6.30	-0.50

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.